

Số: /TB-UBND

Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2025

**THÔNG BÁO**

**Về việc niêm yết công khai thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn xã Chí Minh**

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn thành phố Hải Phòng.*

UBND xã Chí Minh thông báo niêm yết công khai thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn xã thuộc thẩm quyền giải quyết, cụ thể như sau:

**1. Danh mục TTHC (kèm theo):**

- Danh mục TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 03 thủ tục;
- Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 04 thủ tục;
- Danh mục TTHC bị bãi bỏ: 30 thủ tục.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, niêm yết công khai TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và các TTHC bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Cổng thông tin điện tử xã.

UBND xã thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân biết và thực hiện ./.

**Nơi nhận:**

- TT: Đảng ủy; HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Anh Tuấn**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**  
**LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  
*(Ban hành kèm theo Thông báo số:       /TB-UBND, ngày     /7/2025 của UBND xã Chí Minh)*

| TT | Mã số thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                           | Thời hạn giải quyết | Địa điểm nhận hồ sơ và trả kết quả       | Phí, lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện TTHC |                         |                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                     |
|----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------|----------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                          |                                                                                                                                                  |                     |                                          |                      | Trực tiếp                | Dịch vụ công trực tuyến | Dịch vụ bưu chính công ích |                                                                                                                                                                    |
| 1  | 1.013796                 | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa | 25 ngày             | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | Không                | x                        | Một phần                | Nộp hồ sơ và trả kết quả   | - Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;<br>- Nghị định số 95/2023/NĐCP ngày 29/12/2023 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ. |
| 2  | 1.013797                 | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã                                    | 25 ngày             | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | Không                | x                        | Một phần                | Nộp hồ sơ và trả kết quả   |                                                                                                                                                                    |
| 3  | 1.013798                 | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã                       | 25 ngày             | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | Không                | Nộp và nhận kết quả      | Một phần                | Nộp hồ sơ và trả kết quả   |                                                                                                                                                                    |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  
*(Ban hành kèm theo Thông báo số:       /TB-UBND, ngày    /7/2025 của UBND xã Chí Minh)*

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                      | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung            |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | 1.012222   | Công nhận người có uy tín                                                     | Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ |
| 2   | 1.012223   | Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín                    |                                                          |
| 3   | 1.012590   | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung                                  |                                                          |
| 4   | 1.012585   | Thủ tục Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung |                                                          |

**Phụ lục III**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**  
*(Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB-UBND, ngày /7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Chí Minh)*

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                   | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC                                                                            |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 1.012651 | Thủ tục thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam                                                                                                                         | Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP). |
| 2   | 1.012664 | Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc                                                                                                                                                        |                                                                                                                 |
| 3   | 1.012635 | Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức                                                                                                |                                                                                                                 |
| 4   | 1.012634 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quyên góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP                              |                                                                                                                 |
| 5   | 1.012631 | Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo                                                                                         |                                                                                                                 |
| 6   | 1.012630 | Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại  khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo                                                                                           |                                                                                                                 |
| 7   | 1.012626 | Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy   định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo                                                                                 |                                                                                                                 |
| 8   | 1.012625 | Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng  nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh                                                                         |                                                                                                                 |
| 9   | 1.012624 | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo |                                                                                                                 |
| 10  | 1.012622 | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo                                   |                                                                                                                 |

|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                           |
|----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 11 | 1.012621 | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo                                                                                                                                                                                                                        |                                                           |
| 12 | 1.012620 | Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                           |
| 13 | 1.012619 | Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                           |
| 14 | 1.012617 | Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                           |
| 15 | 1.012615 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                           |
| 16 | 1.012613 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                           |
| 17 | 1.012608 | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                           |
| 18 | 1.012604 | Thủ tục thông báo về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh |                                                           |
| 19 | 1.012602 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ. |
| 20 | 1.012601 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                           |
| 21 | 1.012599 | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                           |
| 22 | 1.012596 | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                           |
| 23 | 1.012603 | Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 điều 41 của luật tín ngưỡng, tôn giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                           |

|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                 |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 24 | 1.012600 | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện                                                                                                               |                                                                                                                 |
| 25 | 1.012598 | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện                                                                                                                                |                                                                                                                 |
| 26 | 1.012593 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |                                                                                                                 |
| 27 | 1.012588 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.                                                                                                                                           | Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP) |
| 28 | 1.012586 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                                                                                                                                    |                                                                                                                 |
| 29 | 1.012580 | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                                                                                                                                        |                                                                                                                 |
| 30 | 1.012579 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc                                                                                                                    |                                                                                                                 |